

Bản án số: 04/2025/KDTM – ST
Ngày: 10/02/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn và bà Phan Hoàng Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1191/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST – DS ngày 09 tháng 01 năm 2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 08/2025/QĐST – DS ngày 06/02/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn X (sau đây viết tắt là Công ty TNHH X);

Địa chỉ: Số A T, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm 1983;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Phú Q: Ông Trương Chí L, sinh năm 1991 (Giấy uỷ quyền ngày 24/9/2024);

Địa chỉ: Số F đường P, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị O – Chủ Hộ kinh doanh Nhà trọ P

Địa chỉ: Tổ A đường T, khóm T, thị trấn P, huyện T, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị O: Ông Nguyễn Phú T, sinh năm 1977 (Giấy uỷ quyền ngày 06/12/2024);

Địa chỉ: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; biên bản hòa giải và trong quá trình tố tụng ông Trương Chí L là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2022 Công ty TNHH X và Hộ kinh doanh nhà trọ P, do bà Trần Thị O là đại diện hộ kinh doanh có ký kết Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ để thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống PCCC cho công trình Karaoke Alibaba do Hộ kinh doanh nhà trọ P là chủ đầu tư.

Theo nội dung Hợp đồng, Công ty TNHH X đã hoàn thiện tất cả các nội dung theo thỏa thuận gồm: thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Karaoke theo bảng báo giá của Công ty TNHH X ngày 14/9/2022, được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Giá trị số tiền theo Hợp đồng là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Bà Trần Thị O đại diện Hộ kinh doanh nhà trọ P chỉ mới thanh toán theo tiến độ thi công với số tiền là 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng).

Căn cứ theo Điều 5 mục 5.4 về thanh toán hợp đồng, Hộ kinh doanh Nhà trọ P sẽ thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền còn lại là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) ngay sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu và có công văn nghiệm thu về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh A lập.

Theo đó Công ty TNHH X đã hoàn thành lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy, nghiệm thu hoàn thành bàn giao thiết bị để đưa vào sử dụng theo Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 14 tháng 06 năm 2023 và Công văn nghiệm thu về PCCC Số 90/NT-PCCC ngày 15 tháng 06 năm 2023 của Phòng C và CNCH Công an tỉnh A.

Công ty TNHH X đã nhiều lần liên hệ, gửi văn bản đề nghị thanh toán nhưng phía bà Trần Thị O đại diện Hộ kinh doanh Nhà trọ P liên tục tránh mặt, tránh né nghĩa vụ phải trả nợ.

Do đó, Công ty TNHH X căn cứ theo Điều 7 mục 7.2 của Hợp đồng khởi kiện bà Trần Thị O đại diện Hộ kinh doanh nhà trọ P tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên yêu cầu: Bà Trần Thị O đại diện Hộ kinh doanh nhà trọ P có nghĩa vụ trả số tiền công nợ theo Hợp đồng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 31/7/2024 đến khi vụ án được giải quyết xong.

Ông Nguyễn Phú T là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày:

Vào ngày 18 tháng 9 năm 2022, giữa Hộ kinh doanh nhà trọ P với Công ty TNHH X có ký kết Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ. Giá trị số tiền theo Hợp đồng là 440.000.000 đồng (bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Bà Trần Thị O đại diện Hộ kinh doanh nhà trọ P đã thanh toán theo tiến độ thi công cho Công ty TNHH X với số tiền là 340.000.000 đồng (ba trăm bốn mươi triệu đồng), số tiền còn lại phải thanh toán là 100.000.000 đồng.

Hộ kinh doanh nhà trọ P chưa thanh toán số tiền 100.000.000 đồng cho Công ty TNHH X với lý do, Công ty TNHH X chưa hoàn thành lắp đặt các thiết bị Phòng cháy chữa cháy cho Hộ kinh doanh nhà trọ P theo Hợp đồng kinh tế ngày 18/9/2022 cụ thể trụ cấp nước cứu hoả chưa thực hiện việc đấu nước xong.

Trước khi khởi kiện, phía Công ty TNHH X có uỷ quyền ông Phan Văn Đ, là người lắp đặt, trang trí nội thất K đến liên hệ trao đổi để giải quyết đối với Hợp đồng. Bị đơn đã giao trước cho ông Phan Văn Đ số tiền 30.000.000 đồng để trả cho Công ty TNHH X, số tiền còn lại

phía Hộ kinh doanh nhà trọ P sẽ thanh toán cho Công ty TNHH X khi thực hiện việc đấu nước cho trụ cấp nước cứu hỏa xong. Tuy nhiên đến nay, Công ty TNHH X vẫn chưa thực hiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Bị đơn chỉ đồng ý thanh toán khi Công ty TNHH X số tiền còn lại theo hợp đồng khi công ty thực hiện việc đấu nước cho trụ cấp nước cứu hỏa xong, tiến hành nghiệm khu xác định khối lượng lắp đặt và cung cấp bản chính Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và các biên bản kiểm nghiệm xuất xưởng của máy chữa cháy.

* Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ngày 06/02/2025:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 31/7/2024 đến khi vụ án được giải quyết xong. Giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ ngày 18 tháng 9 năm 2022 là 100.000.000đ.

Ông Nguyễn Phú T đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị O trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn vì Công ty TNHH X chưa thực hiện việc đấu nước cho trụ cấp nước cứu hỏa, công trình chưa hoàn thành nên bị đơn không đồng ý trả số tiền 100.000.000đồng còn lại.

* Phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ngày 10/02/2025:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Yêu cầu nguyên đơn thực hiện việc đấu nước cho trụ cấp nước cứu hỏa, công trình bị đơn đồng ý trả số tiền 100.000.000đ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:*

+ Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 85, 87 Luật Thương mại; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty X về yêu cầu tiền lãi chậm trả.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X. Buộc bà Trần Thị O – Chủ hộ kinh doanh nhà trọ P trả số tiền 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Ngày 07/11/2024, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý vụ án dân sự giữa Công ty TNHH X với Hộ kinh doanh nhà trọ P là tranh chấp hợp đồng xây dựng theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều xác định các bên có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên được xem là tranh chấp kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 7 mục 7.2 của hợp đồng thì tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Nguyên đơn ủy quyền cho ông Trương Chí L; bị đơn ủy quyền cho ông Nguyễn Phú T. Xét thấy, về hình thức và nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông L và ông T được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

Về nội dung:

[3] Vào ngày 18 tháng 9 năm 2022 Công ty TNHH X và Hộ kinh doanh nhà trọ P, do bà Trần Thị O là đại diện hộ kinh doanh có ký kết Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ để thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống PCCC cho công trình Karaoke Alibaba do Hộ kinh doanh nhà trọ P là chủ đầu tư. Theo nội dung Hợp đồng, Công ty TNHH X đã hoàn thiện tất cả các nội dung theo thỏa thuận gồm: thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy Karaoke theo bảng báo giá của Công ty TNHH X ngày 14/9/2022, được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định của pháp luật với giá trị số tiền hợp đồng là 440.000.000 đồng. Bà Trần Thị O đại diện Hộ kinh doanh nhà trọ P chỉ mới thanh toán theo tiến độ thi công với số tiền là 340.000.000 đồng Căn cứ theo Điều 5 mục 5.4 về thanh toán hợp đồng, Hộ kinh doanh Nhà trọ P sẽ thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền còn lại là 100.000.000 đồng ngay sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu và có công văn nghiệm thu về PCCC do Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh A lập. Công ty TNHH X đã hoàn thành lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy, nghiệm thu hoàn thành bàn giao thiết bị để đưa vào sử dụng theo Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy ngày 14 tháng 06 năm 2023 và Công văn nghiệm thu về PCCC Số 90/NT-PCCC ngày 15 tháng 06 năm 2023 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh A nhưng bà Trần Thị O đại diện Hộ kinh doanh Nhà trọ P không trả số tiền còn lại của hợp đồng là 100.000.000đ nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn phải trả số tiền trên.

Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Công ty TNHH X chưa thực hiện việc đấu nước cho trụ cấp nước cứu hỏa xong, tiến hành nghiệm khu xác định khối lượng lắp đặt và cung cấp bản chính Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và các biên bản kiểm nghiệm xuất xưởng của máy chữa cháy.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ ngày 18 tháng 9 năm 2022; biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao thiết bị để đưa vào bàn giao sử dụng ngày 08/6/2023; công văn số 90/NT-PCCC của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH ngày 15/6/2023.

Bị đơn cung cấp Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ ngày 18 tháng 9 năm 2022 có đóng dấu giáp lai, chữ ký của người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Phú Q và đóng dấu của Công ty X, nhưng không có thông tin của bên giao thầu và chữ ký của đại diện bên giao thầu.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Ngày 18 tháng 9 năm 2022 Công ty TNHH X và Hộ kinh doanh nhà trọ P, do bà Trần Thị O là đại diện hộ kinh doanh có ký kết Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ để thiết kế, cung cấp và lắp đặt hệ thống PCCC cho công trình Karaoke Alibaba do Hộ kinh doanh nhà trọ P là chủ đầu tư. Hợp đồng này được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý. Bị đơn khai nại

do nguyên đơn chưa thực hiện việc đấu nước cho trụ cấp nước cứu hỏa xong, tiến hành nghiệm khu xác định khối lượng lắp đặt và cung cấp bản chính Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy và các biên bản kiểm nghiệm xuất xưởng của máy chữa cháy nên không đồng ý trả số tiền còn lại là không có căn cứ. Bởi lẽ, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo các nội dung mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn 03 lần theo tiến độ công việc như tại mục 5.1; 5.2 và 5.3 của Điều 5 tương ứng với số tiền 340.000.000đ. Mặt khác, công trình này đã được cơ quan chức năng thực hiện nghiệm thu hoàn thành bàn giao thiết bị để đưa vào bàn giao sử dụng ngày 08/6/2023, được Phòng cảnh sát PCCC và CNCH xác nhận đủ điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy ngày 15/6/2023 căn cứ vào hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 01/PH, ngày 09/6 của Hộ kinh doanh nhà trọ P. Do đó, nguyên đơn căn cứ vào mục 5.4 Điều 5 của Hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ ngày 18 tháng 9 năm 2022 khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền còn nợ 100.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[5.2] Đối hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ ngày 18/9/2022 do bị đơn cung cấp tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Điều 5 giữa 02 hợp đồng có khác nhau về từng đợt thanh toán. Ông T là người đại diện theo ủy quyền của bà O xác định chữ viết thể hiện thông tin bên giao thầu, chữ ký trong hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ ngày 18/9/2022 do nguyên đơn cung cấp là của ông khi đã được bà O thể hiện ý chí đồng ý với những nội dung trong hợp đồng. Do đó, có căn cứ xác định hợp đồng kinh tế số 39/HĐ-CCLĐ ngày 18/9/2022 do nguyên đơn cung cấp đã được các bên xác lập hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, đạo đức xã hội, do đó hợp đồng đương nhiên phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên; còn hợp đồng bị đơn cung cấp được xem như lời đề nghị giao kết của Công ty P1, chưa có chữ ký xác nhận của bà O, xem như các bên chưa giao kết hợp đồng nên không có giá trị pháp lý.

[6] Nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu tính lãi chậm trả trên số tiền 100.000.000đ kể từ ngày 31/7/2023 đến ngày xét xử. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273; Điều 147; Điều 244; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 116; 117 và 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005.
- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị O – Chủ Hộ kinh doanh nhà trọ P phải trả cho Công ty TNHH X số tiền 100.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X về yêu cầu bà Trần Thị O – Chủ Hộ kinh doanh nhà trọ P trả tiền lãi chậm trả.

Về án phí:

- + Bà Trần Thị O – Chủ Hộ kinh doanh nhà trọ P phải chịu 5.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Công ty TNHH X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận số lại số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001786 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Về quyền kháng cáo:

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND TPLX;
- Chi cục THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu VT và hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Đức Anh

